

Bản án số: 101/2022/HS-ST  
Ngày 25-11-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Bùi Thị Nhân

Ông Đỗ Văn Thư

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Hương - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 81/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2022 và thông báo mở lại phiên tòa số 30/TB-TA ngày 15 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Vũ Thị T, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1978, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị L; có chồng Vũ Huy T và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 4 năm 2022 đến ngày 04 tháng 5 năm 2022 hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

***- Bị hại:*** Anh Phạm Văn H, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Hoàng Lâu, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

***- Người làm chứng:*** Anh Đỗ Đức N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 12/6/2002, Vũ Thị T sang nhà anh Phạm Văn H, sinh năm 1973; địa chỉ: Đường M, xã A, huyện An Hải (nay là huyện An Dương),

thành phố Hải Phòng (là hàng xóm, cạnh nhà T) mượn xe mô tô nhãn hiệu Wave Trung Quốc biển kiểm soát 16H6-2273 để đi lấy hàng hẹn chiều cùng ngày sẽ trả. Anh H đồng ý, đưa giấy đăng ký và giao xe mô tô biển kiểm soát 16H6-2273 cho T mượn, bảo T ngày 17/6/2002 anh H đi công tác về thì trả. Sau khi mượn được xe, do cần tiền chi tiêu cho gia đình, T nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô của anh H lấy tiền nên đã bàn với Đỗ Đức N (chồng T) mang xe đi cầm cố. N đồng ý, T và N mang xe mô tô biển kiểm soát 16H6-2273 đến cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1974; địa chỉ: số 365 đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cầm cố được 5.000.000đồng hẹn đến ngày 30/6/2002 chuộc xe. Sau khi cầm cố xe được 5.000.000đồng, T đã ăn tiêu hết, không chuộc xe trả anh H. Ngày 17/6/2002, anh H không thấy T trả xe mô tô nên đã sang nhà T đòi xe. T thừa nhận với anh H đã cầm cố xe mô tô và hẹn ngày 30/6/2002 chuộc xe về trả anh H. Tuy nhiên, T không chuộc xe trả cho anh H đồng thời bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 30/7/2002 anh H có đơn tố cáo T đến Công an huyện An Hải (nay là huyện An Dương) về hành vi nêu trên. Anh H khai chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Trung Quốc biển kiểm soát 16H6-2273 màu xanh đen anh H mua năm 2001 với giá 7.000.000đồng. Ngày 14/9/2002 anh H đã bỏ ra 3.000.000đồng đưa cho anh T để chuộc chiếc xe mô tô về sử dụng.

Ngày 25/4/2022, Vũ Thị T bị Công an huyện Kiến Thụy bắt và bàn giao cho Công an huyện An Dương.

Tại Cơ quan điều tra Vũ Thị T khai nhận đã mượn xe mô tô của anh H cầm cố lấy 5.000.000đồng chi tiêu hết, không chuộc xe trả cho anh H và bỏ trốn như trên. Quá trình bỏ trốn, T lao động tự do và không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác.

Lời khai của bị hại anh Phạm Văn H: Năm 2001, anh mua xe mô tô biển kiểm soát 16H6-2273 trị giá 7.000.000đồng. Ngày 12/6/2002 Vũ Thị T đến nhà anh mượn chiếc xe trên và hẹn đến ngày 17/6/2002 trả xe. Đến hẹn T không trả lại xe mô tô cho anh mà bỏ trốn, anh đã phải chuộc lại chiếc xe trên tại hiệu cầm đồ với giá 3.000.000đồng để sử dụng. Về trách nhiệm dân sự anh không yêu cầu T phải bồi thường cho anh số tiền anh đã bỏ ra chuộc lại xe mô tô và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại Cáo trạng số 91/CT-VKS ngày 26/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Vũ Thị T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo T khai nhận như nội dung bản cáo trạng đã nêu bị cáo thừa nhận sau khi anh H giao giấy tờ xe và xe mô tô biển kiểm soát 16H6-2273 cho bị cáo, do cần tiền chi tiêu cho bản thân bị cáo đã mang chiếc xe mô tô của anh H đi cầm lấy 5.000.000đồng, không chuộc xe trả cho anh H như hai bên thống nhất. Từ năm 2002, đến nay bị cáo lao động tự do và không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác. Hành vi của bị cáo vi phạm pháp luật, việc điều tra,

truy tố, xét xử bị cáo là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội đối với bị cáo. Qua phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Vũ Thị T từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời gian tạm giữ của bị cáo được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập và áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội, tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử, xét thấy: Tài liệu hồ sơ xác định ngày 12/6/2002 Vũ Thị T đến nhà anh Phạm Văn H ở thôn V, xã A, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng, mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16H6-2273 của anh H mua từ năm 2001 với giá 7.000.000đồng, hẹn đến ngày 17/6/2002 sẽ trả cho anh H. Sau khi mượn được xe của anh H bị cáo đã mang đi cầm cho anh Nguyễn Huy T được 5.000.000đồng và bỏ trốn, anh H đã phải chuộc lại chiếc xe mô tô với giá 3.000.000đồng để sử dụng. Theo khoản 2 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Điều luật quy định một hình phạt nặng hơn thì không được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành. Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 có hình phạt nặng hơn so với khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại

thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành. Do đó, hành vi của bị cáo Vũ Thị T đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3] Tính chất vụ án ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Về nhân thân bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội cố ý. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Vũ Thị T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra đã lâu, từ đó đến nay T lao động tự do và không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác. Vì vậy, để đảm bảo mục đích của hình phạt là răn đe, phòng ngừa tội phạm, đồng thời tạo điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt nên áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt cải tạo không giam giữ thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Thời gian bị cáo Vũ Thị T bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành án (được quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ ) và giao bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự trong thời gian chấp hành án bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Tài liệu hồ sơ thể hiện bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo và buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Về các vấn đề khác:

[7] Về hình phạt bổ sung: Trước khi phạm tội bị cáo không có việc làm ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển kiểm soát 16H6-2273 thời điểm năm 2002 sau khi anh Phạm Văn H chuộc lại xe đã bán cho người không quen biết đến nay không thu hồi được.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Văn H không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000đồng là khoản tiền anh H đã phải bỏ ra để chuộc lại xe mô tô nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Trong vụ án này, tài liệu điều tra có căn cứ xác định ngày 12/6/2002 Đỗ Đức N (chồng cũ của Vũ Thị T) có hành vi bàn bạc cùng T mang xe của anh H cầm cố lấy 5.000.000đồng ăn tiêu. Từ ngày thực hiện hành vi đến nay đã hơn 20 năm, N không thực hiện tội phạm mới, không bị truy nã nên đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương không khởi tố là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Huy T khi T cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 16H6-2273, anh T không biết là tài sản do T phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Vũ Thị T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo được trừ 09 ngày tạm giữ từ ngày 26/4/2022 đến ngày 04/5/2022 quy đổi cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn 17 (mười bảy) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập và áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Vũ Thị T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Trong trường hợp người được hưởng án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

1. Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Vũ Thị T.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc bị cáo Vũ Thị T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện An Dương;
- Phòng PV06 CATP; Phòng PC 10 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hương**